



## Bài báo nghiên cứu

# PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT DƯỚI CÁCH TIẾP CẬN CỦA KARL RAIMUND POPPER

*Bùi Lan Hương*

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

Tác giả liên hệ: Bùi Lan Hương – Email: [builanhuong.ussh@gmail.com](mailto:builanhuong.ussh@gmail.com)

Ngày nhận bài: 18-7-2019; ngày nhận bài sửa: 24-9-2019, ngày chấp nhận đăng: 20-10-2019

### TÓM TẮT

Bài viết tập trung phân tích những phê phán của K. Popper đối với phép biện chứng duy vật. Popper cho rằng phép biện chứng đã vi phạm quy luật cấm mâu thuẫn khi cho rằng các mặt đối lập có thể chuyển hóa cho nhau, chính vì vậy ông phản đối việc vận dụng phép biện chứng vào nghiên cứu các vấn đề xã hội. Bài viết chỉ ra sai lầm cơ bản trong những phê phán này xuất phát từ việc Popper không phân biệt được sự khác nhau giữa mâu thuẫn logic và mâu thuẫn biện chứng, qua đó tác giả khẳng định giá trị khoa học bền vững của phép biện chứng duy vật nói riêng, chủ nghĩa Marx nói chung.

**Từ khóa:** K. Popper; phép biện chứng; chủ nghĩa Marx

### 1. Đặt vấn đề

Karl Raimund Popper (1902-1994) là nhà triết học người Áo, ông tổ đầu tiên của chủ nghĩa hậu thực chứng, người sáng lập chủ nghĩa duy lý phê phán. Ông còn được đánh giá là một trong những triết gia có ảnh hưởng nhất thế kỉ XX. Ở Việt Nam, Karl Popper được biết đến chủ yếu với tư cách là người công khai phê phán trực diện chủ nghĩa Marx khiến cho những nghiên cứu về ông còn ít ỏi và nhiều đánh giá chưa thực sự khách quan. Vì vậy, việc nghiên cứu có hệ thống nhằm ghi nhận những đóng góp của Popper trong lĩnh vực triết học cũng như vạch ra những hạn chế trong tư tưởng, đặc biệt là sai lầm của ông khi phê phán chủ nghĩa Marx là rất cần thiết trước yêu cầu vừa tiếp thu luồng tư tưởng ngoài Marxist vừa bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Marx ở nước ta hiện nay.

Phép biện chứng là di sản tư tưởng quý báu của lịch sử triết học từ thời cổ đại đến nay, trong đó, phép biện chứng duy vật được coi là hình thức phát triển cao nhất của nó đã cung cấp phương pháp luận khoa học chung nhất cho mọi hoạt động nhận thức và thực tiễn của con người. Tuy nhiên khi nghiên cứu về nội dung này Popper đã có những đánh giá thiếu chính xác, mang tính siêu hình khi phủ nhận giá trị của phép biện chứng. Bài viết tập trung phân tích sự phê phán của K. Popper đối với nội dung của phép biện chứng, từ đó chỉ

---

*Cite this article as:* Bùi Lan Hương (2020). Materialism dialectic under Karlraimund Popper's approach. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 17(1), 82-88.

ra sai lầm và hạn chế của những phê phán ấy nhằm khẳng định giá trị khoa học bền vững của phép biện chứng duy vật.

## 2. Nội dung

### 2.1. *Khác biệt căn bản giữa phép biện chứng và phương pháp thử và sai*

Là một nhà triết học khoa học, khi xây dựng học thuyết của mình, K. Popper đã đề xuất phương pháp thử và sai (method of trial and error) nhằm thay thế cho tất cả các phương pháp khác trong nghiên cứu khoa học. Phương pháp này được Popper mô tả ngắn gọn như sau:

Đối diện với một vấn đề nhất định, nhà khoa học thử đề xuất một loại giải pháp – một lý thuyết... các nhà khoa học sẽ không tiếc công sức để phê phán và thử nghiệm lý thuyết đó. Phê phán và thử nghiệm song hành với nhau; lý thuyết bị phê phán từ rất nhiều phía nhằm chỉ ra những điểm mà nó thiếu chắc chắn. Và việc thử nghiệm lý thuyết diễn ra bằng cách phơi bày những điểm thiếu chắc chắn này thông qua một quá trình kiểm nghiệm khắt khe nhất có thể. Các lý thuyết được đưa ra để dò đường và được áp dụng thử. Nếu kết quả của một thử nghiệm chỉ ra rằng lý thuyết sai, thì lý thuyết đó bị loại trừ; phương pháp thử-và-sai về bản chất là phương pháp loại trừ (Popper, 2002b, p.313).

Sự thành công của nó chủ yếu phụ thuộc vào ba điều kiện, cụ thể là có một số lượng đủ lớn các lý thuyết (có hàm lượng trí tuệ) được đưa ra, các lý thuyết được đưa ra cần tương đối đa dạng, và cần tiến hành các thử nghiệm ở mức đủ khắt khe (Popper, 2002b, p.313). Theo cách này, chúng ta có thể tìm được lý thuyết phù hợp nhất sau khi loại trừ những lý thuyết kém phù hợp hơn.

Song song với việc đề xuất phương pháp thử và sai, trong tác phẩm *Phông định và bác bỏ: Sự tăng trưởng của tri thức khoa học*, Popper còn phê phán gay gắt đối với nội dung của phép biện chứng nhằm khẳng định tính ưu việt của phương pháp ông đề xuất so với các phương pháp khác.

Popper tiếp cận phép biện chứng trước hết ở hình thức duy tâm của nó – phép biện chứng của Hegel – ở nội dung Hegel trình bày về quy luật phủ định của phủ định như là một trong những quy luật quan trọng nhất của phép biện chứng. Hegel đã đồng nhất quy luật này với tam đoạn thức: *chính đề – phản đề – hợp đề*, từ đó ông đã xây dựng nên hệ thống triết học cũng như từng phần trong hệ thống đó. Mỗi một phạm trù của phép biện chứng được Hegel sắp xếp theo hình thức chính đề. Chính đề này trong quá trình vận động, phát triển trở thành phản đề và sau đó chúng hòa nhập vào khái niệm cao nhất là hợp đề. Hợp đề không phải là quay trở lại một cách đơn giản về chính đề, mà là giai đoạn phát triển cao hơn bởi yếu tố phủ định. Một khi đạt được, hợp đề đến lượt nó có thể lại trở thành bước thứ nhất trong một tam đoạn biện chứng mới khác, và quá trình sẽ lại tiếp diễn như thế nếu hợp đề cụ thể vừa đạt được lại trở nên thiếu thuyết phục (one-sided) hoặc trở nên không thỏa mãn. Trong trường hợp này, mặt đối lập sẽ lại nổi lên, và điều này có nghĩa là hợp đề vừa đạt được có thể được mô tả như là một chính đề mới, chính đề tạo ra được một

phản đề mới. Do đó, tam đoạn biện chứng sẽ lại diễn ra ở một trình độ cao hơn, và nó có thể đạt tới cấp độ thứ ba khi một hợp đề thứ hai đạt được (Popper, 2002b, p.313-314).

K. Popper thừa nhận tam đoạn biện chứng mô tả khá tốt những giai đoạn nhất định trong lịch sử tư tưởng, đặc biệt quá trình phát triển nhất định của các ý tưởng và các lí thuyết, và của các xu thế vận động của xã hội vốn dựa trên các ý tưởng hoặc các lí thuyết. Một quá trình phát triển biện chứng như thế có thể được “giải thích” bằng cách chỉ ra rằng nó diễn ra phù hợp với phương pháp thử – sai. Nhưng theo ông, cần phải thừa nhận là nó không giống hẳn với sự phát triển của một lí thuyết thông qua quá trình thử – sai. Popper cho rằng phương pháp thử – sai chỉ liên quan tới việc đề ra một ý tưởng và phê phán ý tưởng đó, tức là chỉ liên quan đến sự đấu tranh giữa một chính đề và phản đề của nó; ngay từ đầu chúng ta không đưa ra bất kì gợi ý nào về một sự phát triển tiếp theo, chúng ta không cho là cuộc đấu tranh giữa một chính đề và phản đề của nó sẽ dẫn đến một hợp đề. Thay vào đó chúng ta cho rằng cuộc đấu tranh giữa một ý tưởng và ý tưởng phê phán nó, hay giữa một chính đề và phản đề của nó sẽ dẫn đến việc loại trừ chính đề (hoặc phản đề) nếu nó không còn thỏa mãn và sự cạnh tranh của các lí thuyết sẽ dẫn đến việc áp dụng các lí thuyết mới nếu như có đủ số lượng các lí thuyết trong tay và được đem ra thử nghiệm.

Theo Popper, sự lí giải bằng phương pháp thử – sai phổ quát hơn so với sự lí giải bằng phương pháp biện chứng:

Nó không bị giới hạn vào tình huống nơi chỉ có một chính đề được đưa ra lúc ban đầu, và vì thế nó có thể dễ dàng được áp dụng vào các tình huống nơi ngay từ đầu đã có một số lượng lớn các lí thuyết được đưa ra độc lập với nhau và không nhất thiết phải là một lí thuyết này đối lập với một lí thuyết khác. (Popper, 2002b, p.314)

Ông cho rằng, có một điểm khá khác biệt nữa giữa phép biện chứng và phương pháp thử - sai. Đối với phương pháp thử – sai, sẽ là đủ khi nói rằng một quan điểm không thỏa mãn sẽ bị bác bỏ hoặc bị loại trừ. Nhưng các nhà biện chứng cho rằng có nhiều thứ để nói hơn nữa. Họ nhấn mạnh rằng mặc dù quan điểm hoặc lí thuyết đang xem xét có thể bị bác bỏ, nhưng rất có khả năng là vẫn còn có một yếu tố có giá trị trong quan điểm đó cần bảo tồn, vì nếu không như thế thì chẳng có lí do gì nó lại được đưa ra và được xem xét nghiêm túc cả. Yếu tố có giá trị này của chính đề có khả năng được trình bày sáng tỏ bởi những người bảo vệ chính đề chống lại sự tấn công của các đối thủ, những người trung thành với phản đề. Vì thế, giải pháp thỏa mãn duy nhất của cuộc đấu tranh sẽ là một hợp đề, nghĩa là một lí thuyết mà tại đó các điểm tốt nhất của các chính đề và phản đề được bảo tồn.

Điểm khác biệt căn bản của phương pháp thử – sai so với phép biện chứng là ở chỗ phương pháp thử - sai chỉ bảo đảm sự đấu tranh giữa chính đề và phản đề mà rốt cuộc chính đề hoặc phản đề bị loại trừ, nếu chúng không thỏa mãn. Phương pháp này không chấp nhận mâu thuẫn giữa chính đề và phản đề còn phép biện chứng thì “vượt bỏ” chúng trong hợp đề. K. Popper cho rằng mọi sự dung hòa mâu thuẫn đều dẫn tới việc khước từ phê phán, vì phê phán, về thực chất bị quy về việc vạch ra mâu thuẫn. Chỉ có phê phán, tức

là vạch ra mâu thuẫn mới kích thích nhà khoa học thay đổi lí thuyết và qua đó mà tiến bộ. Nếu chúng ta dung hòa mâu thuẫn thì phê phán và mọi phát triển trí tuệ sẽ chấm dứt, đồng thời khoa học cũng phá sản (Popper, 2002b, p.315).

### **2.2. K. Popper phản đối việc vận dụng phép biện chứng vào nghiên cứu xã hội**

Từ việc chỉ ra hạn chế của phép biện chứng, Popper phê phán việc Hegel và Marx vận dụng phép biện chứng vào nghiên cứu các vấn đề xã hội. Ông chỉ ra rằng Hegel là một trong những nhà phát minh ra phương pháp lịch sử, là cha đẻ trường phái các nhà tư tưởng tin rằng khi ai đó mô tả một quá trình phát triển trên phương diện lịch sử thì họ đã giải thích quá trình đó một cách nhân quả. Trường phái này tin rằng ai đó, chẳng hạn, có thể giải thích các thể chế xã hội nhất định bằng cách chỉ ra loài người đã dần dần phát triển chúng như thế nào. Popper muốn nhấn mạnh rằng, xã hội học của Marx đã kế thừa Hegel không chỉ ở quan niệm rằng phương pháp luận của nó phải là phương pháp lịch sử, và rằng xã hội học cũng như sử học phải trở thành các lí thuyết về sự phát triển của xã hội, mà còn ở quan niệm quá trình phát triển này phải được giải thích dưới góc độ biện chứng. Đối với Hegel, lịch sử là lịch sử của các ý tưởng. “Marx vứt bỏ chủ nghĩa duy tâm nhưng giữ lại từ học thuyết của Hegel ý tưởng rằng các động lực của sự phát triển lịch sử là ‘các mâu thuẫn’, ‘các phủ định’, ‘các phủ định của phủ định’ của biện chứng” (Popper, 2002b, p.333).

Theo quan niệm của Marx, nhiệm vụ trọng tâm của ngành khoa học xã hội là phải chỉ ra những lực lượng biện chứng này vận động trong lịch sử như thế nào, và do đó phải tiên đoán được quá trình của lịch sử. Quy luật biện chứng của sự vận động, quy luật phủ định của phủ định, trang bị cho Marx cơ sở để dự đoán về sự diệt vong đang treo lơ lửng trên đầu của chủ nghĩa tư bản: “Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa... là sự phủ định lần thứ nhất... Nhưng, như là một quy luật tự nhiên không thể tránh khỏi, chủ nghĩa tư bản sinh ra sự phủ định của chính nó. Đó chính là sự phủ định của phủ định” (Popper, 2002b, p.333).

K. Popper cho rằng, biện chứng của Hegel, hay phiên bản duy vật chủ nghĩa của nó, không thể được xem như là một nền tảng đúng đắn cho các dự báo khoa học. Do vậy, nếu tiến hành các dự đoán dựa trên phép biện chứng thì một số sẽ trở nên đúng và một số sẽ trở nên sai. Trong trường hợp sau, theo Popper, hiển nhiên sẽ làm nảy sinh một tình huống không biết trước được.

### **2.3. Những sai lầm cơ bản của K. Popper trong việc phê phán phép biện chứng**

Từ những phân tích trên, chúng tôi nhận thấy K. Popper đã tiếp cận phép biện chứng với tư cách là một phương pháp nghiên cứu khoa học, phương pháp giúp cho tri thức khoa học tăng trưởng trong khi vai trò của phép biện chứng còn rộng hơn như vậy rất nhiều – nó đóng vai trò là phương pháp luận cho mọi hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn của con người chứ không đơn thuần giới hạn trong phạm vi là một phương pháp nghiên cứu.

K. Popper cho rằng tư duy biện chứng đã vi phạm quy luật cấm mâu thuẫn của logic truyền thống (logic hình thức). Quy luật cấm mâu thuẫn của logic truyền thống là quy luật của tư duy đúng đắn phản ánh đối tượng ở trạng thái đúng im. Sự tác động của quy luật

cấm mâu thuẫn trong logic học truyền thống đảm bảo cho tính nhất quán, tính phi mâu thuẫn của tư duy khi phản ánh đối tượng trong cùng một thời gian, cùng một mối quan hệ. Những lỗi logic xảy ra do vi phạm quy luật này được gọi chung là “mâu thuẫn logic”. Trong hoạt động nhận thức sự phân biệt giữa “mâu thuẫn logic” và “mâu thuẫn biện chứng” là đặc biệt quan trọng. Theo chúng tôi, K. Popper đã không thấy được sự khác nhau giữa hai loại mâu thuẫn này, quy luật cấm mâu thuẫn của logic học truyền thống với các yêu cầu của nó chỉ cấm các mâu thuẫn logic chứ không (và không thể) cấm các mâu thuẫn biện chứng vốn là mâu thuẫn tồn tại khách quan trong bản thân hiện thực và nhiệm vụ của tư duy là phải phản ánh được các mâu thuẫn ấy chứ không phải loại bỏ chúng. Xuất phát từ sai lầm như vậy, cho nên khi quan niệm về mâu thuẫn và phê phán việc giải quyết mâu thuẫn của các nhà biện chứng Popper đã sa vào chủ nghĩa siêu hình. Các nhà biện chứng cho rằng mâu thuẫn biện chứng sẽ dẫn đến sự chuyển hóa của các mặt đối lập, Popper không chấp nhận sự chuyển hóa này mà cho rằng việc giải quyết mâu thuẫn chính là xóa bỏ một trong hai mặt đối lập.

Hơn nữa, phép biện chứng mà Popper tập trung phê phán là phép biện chứng duy tâm của Hegel với toàn bộ những hạn chế của nó – duy tâm và siêu hình – cái mà sau này đã được Marx chỉ ra và khắc phục, nhưng vị triết gia này lại đánh đồng toàn bộ phép biện chứng ấy với hình thức phát triển hoàn bị nhất của nó – phép biện chứng duy vật. Trong khi nghiên cứu phép biện chứng duy tâm của Hegel, Marx và Engels đã vạch ra rằng: “Ở Hegel, phép biện chứng bị lộn ngược đầu xuống đất. Chỉ cần dựng nó lại là sẽ phát hiện được cái hạt nhân hợp lí của nó núp đằng sau cái vỏ thần bí” (Marx, & Engels, 1993, p.35), và Marx đã nói rõ về sự khác nhau giữa phép biện chứng của mình và phép biện chứng của Hegel như sau: “Phương pháp biện chứng của tôi không những khác phương pháp của Hegel về cơ bản, mà còn đối lập hẳn với phương pháp ấy nữa. Đối với Hegel, quá trình tư duy – mà ông ta thậm chí còn biến thành một chủ thể độc lập dưới cái tên gọi ý niệm – chính là vị thần sáng tạo ra hiện thực, và hiện thực này chẳng qua chỉ là biểu hiện bên ngoài của tư duy mà thôi. Đối với tôi thì trái lại, ý niệm chẳng qua chỉ là vật chất được đem chuyển vào trong đầu óc con người và được cải biến đi ở trong đó” (Marx, & Engels, 1993, p.35).

K. Popper phê phán việc Marx đã vận dụng phép biện chứng vào nghiên cứu các vấn đề xã hội và chỉ ra rằng sự vận động, phát triển của xã hội tuân theo những quy luật khách quan. Đồng thời Popper cho rằng, chính việc bảo vệ và cho rằng chủ nghĩa Marx là hệ thống lí luận hoàn bị nhất của các nhà Mác xít chẳng khác nào sa vào chủ nghĩa siêu hình mà Hegel đã từng phạm phải khi cho rằng hệ thống triết học của mình là hoàn bị nhất trong lịch sử triết học. Theo chúng tôi, K. Popper đã đánh đồng việc bảo vệ phát triển chủ nghĩa Marx với chủ nghĩa siêu hình, đồng nhất chủ nghĩa xét lại với hoạt động phản biện khoa học chân chính. K. Popper đã không thấy được tính mở, tính “biện chứng” của chủ nghĩa Marx. Mang bản chất khoa học, nên chủ nghĩa Marx không phải là một hệ thống các nguyên lí giáo điều, bất biến mà gắn với quá trình phát triển của tri thức nhân loại và

phong trào cách mạng trên thế giới. Chính K. Marx, F. Engels đã nhiều lần khẳng định học thuyết của các ông không phải là cái đã xong xuôi hẳn, còn nhiều điều các ông chưa có điều kiện, thời gian, cơ hội nghiên cứu. Phát triển lí luận Marx là trách nhiệm của các thế hệ kế tiếp sau, của những người Mác-xít chân chính. Ngay bản thân các nhà sáng lập của chủ nghĩa Marx, trong quá trình nghiên cứu và hoạt động phong trào công nhân cũng đã điều chỉnh một số luận điểm của mình. Chủ nghĩa Marx là một học thuyết mở, vì vậy, nó không bao giờ là một học thuyết lí luận cứng nhắc và giáo điều. Thế hệ sau nối tiếp thế hệ trước cùng tiếp thu, vận dụng và phát triển sáng tạo các quan điểm của chủ nghĩa Marx, làm cho học thuyết của K. Marx, F. Engels ngày càng được bổ sung và hoàn thiện.

### 3. Kết luận

Tóm lại, K. Popper đã phủ nhận phép biện chứng, một thành tựu lớn của tư duy triết học nhân loại từ triết học Heraclit đến triết học Mác – Lênin. Ông coi tư tưởng biện chứng về sự vận động là một biểu hiện của chủ nghĩa lịch sử. Theo ông, tất cả các loại hình chủ nghĩa lịch sử đều cho rằng “có những quy luật lịch sử đặc thù có thể được phát hiện làm cơ sở cho những tiên đoán về tương lai của con người” (Popper, 2002a, p.6-7). Từ việc giới hạn vai trò của phép biện chứng trong phạm vi một phương pháp nghiên cứu khoa học, Popper đã quên mất vai trò phương pháp luận mới chính là giá trị vô giá của học thuyết này. Hơn nữa, xuất phát từ việc lẫn lộn giữa “mâu thuẫn logic” và “mâu thuẫn biện chứng”, Popper muốn loại trừ hoàn toàn mâu thuẫn thông qua phương pháp thử và sai. Điều này đã dẫn ông tới chủ nghĩa siêu hình khi cho rằng phương pháp thử và sai chính xác hơn so với phép biện chứng, vì khi nó yêu cầu một lí thuyết không thỏa mãn sẽ bị loại trừ hoàn toàn, còn ở phép biện chứng thì những nội dung hợp lí của lí thuyết này vẫn được bảo tồn; Popper đã không nhận thấy rằng đây mới chính là thiếu sót căn bản của phương pháp thử – sai so với phép biện chứng, là sự khác biệt căn bản giữa phủ định sạch trơn và phủ định biện chứng. Phép biện chứng không phải là một trường hợp riêng của phương pháp thử và sai như Popper nhận định, ngược lại phép biện chứng bao hàm phương pháp thử – sai. Do vậy, toàn bộ những phê phán của K. Popper đối với phép biện chứng và việc Marx áp dụng phép biện chứng vào nghiên cứu sự vận động phát triển của xã hội là hoàn toàn sụp đổ.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Marx, K., & Engels, F. (1993). *Complete episode, 23*, Hanoi: National Political Publishing House.
- Popper, K. R. (2002). *The Open Society and Its Enemies, 1*. Fifth Edition. Princeton: Princeton University Press.
- Popper, K. R. (2002). *Conjectures and Refutations: The Growth of Scientific Knowledge*. Routledge Classics. London and New York.

**MATERIALISM DIALECTIC UNDER KARL RAIMUND POPPER'S APPROACH**

***Bui Lan Huong***

*Hanoi Pedagogical University 2*

*Corresponding author: Bui Lan Huong – Email: builanhuong.ussh@gmail.com*

*Received: July 18, 2019; Revised: September 24, 2019; Accepted: October 20, 2019*

**ABSTRACT**

*The article focuses on analyzing the critiques of K. Popper from materialism dialectics. Popper argued that dialectics violated the contradictory law of thinking that opposites could be mutually exchanged, so he objected to applying dialectics to the study of social problems. The article points out that the basic error in these critical stems from Popper's failure to distinguish between logical and dialectical contradictions. Since then, the author has affirmed the value of sustainable science of dialectics in particular, Marxism in general.*

**Keywords:** K. Popper; dialectic; Marxism